

**BÁO CÁO**  
**Hoạt động của Ban Kiểm soát**  
**Trình Đại hội đồng Cổ đông nhiệm kỳ 2014-2019**

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên.

Căn cứ vào các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và tình hình hoạt động của Công ty năm 2013.

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội kết quả kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ 2009-2014 và kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2014 như sau:

**1. Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

Trong nhiệm kỳ qua Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông hằng năm trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty, cụ thể:

- Xem xét tính phù hợp các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong công tác quản lý, kiểm tra trình tự thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- Thực hiện các đợt kiểm tra đánh giá các qui trình trọng yếu của Công ty như: Mua vật tư, hàng hoá, dịch vụ; thực hiện cơ chế bán hàng; quản lý vật tư, hàng hoá, công nợ, chi phí và đầu tư tại Công ty và các chi nhánh nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót. Từ đó đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

- Phối hợp cùng Phòng Kế toán - Thống kê và Tài chính, tiến hành kiểm toán nội bộ các đơn vị thành viên.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số cuộc họp của Ban điều hành, giám sát việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị, Ban điều hành.

- Kiểm tra, thẩm định Báo cáo Tài chính nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán.



- Giám sát việc thực thi pháp luật và thực hiện các qui chế, qui định mà Công ty đã ban hành.

- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban, chi nhánh trong Công ty. Từ đó đã tạo được điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ của mình.

- Chi phí thù lao của Ban Kiểm soát: Năm 2013, tổng chi phí thù lao cho Ban Kiểm soát là: 168.000.000 đồng.

Trong đó: Trưởng Ban Kiểm soát: 48.000.000 đồng; Các thành viên Ban Kiểm soát: 30.000.000 đồng/người.

## **2. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc:**

- Trong nhiệm kỳ qua Ban Kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã thể hiện trách nhiệm cao và cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ của người quản lý và luôn trung thành với lợi ích của Công ty.

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật trong công tác quản lý hành chính, trong các giao dịch và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo qui định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được ban hành một cách hợp lệ trên cơ sở biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc biên bản lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và đúng với thẩm quyền qui định của Điều lệ Công ty.

- Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều tập trung vào việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội cổ đông và được ban hành kịp thời, thực hiện chức năng quản lý của Hội đồng quản trị.

- Ban Tổng giám đốc đã bám sát các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, vừa kiên trì với mục tiêu định hướng, vừa có quyết định phù hợp với thực tiễn, thực hiện nhiều giải pháp về quản lý, kỹ thuật... nhằm thực hiện các mục tiêu mà Đại hội cổ đông giao.

- Trong nhiệm kỳ qua Công ty không có bất kỳ xung đột lợi ích nào với những người liên quan. Dựa vào kết quả kiểm tra, giám sát Ban Kiểm soát nhất trí với các nội dung Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành năm 2013 và cả nhiệm kỳ 2009-2014 của Hội đồng quản trị.

## **3. Thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2013 :**

Công ty đã áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư sửa đổi bổ sung số



244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009. Sổ sách kế toán được mở đầy đủ, ghi chép, phản ánh rõ ràng, trung thực. Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo Tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

- Căn cứ vào Báo cáo Tài chính năm 2013 và các tài liệu liên quan Ban Kiểm soát thẩm định số liệu Báo cáo Tài chính năm 2013 (*Số liệu như phụ lục kèm theo*)

- Căn cứ kết quả kiểm tra, thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2013. Ban Kiểm soát nhất trí với các số liệu, chỉ tiêu trên Báo cáo Tài chính cũng như các đánh giá của Công ty và Tổ chức kiểm toán.

**\* Tình hình tài chính của Công ty:**

*ĐVT: Đồng*

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2012	Thời điểm 31/12/2013	% Tăng (+) giảm (-)
- Tổng tài sản	8.467.464.054.229	7.435.630.556.121	-12,19
- Nợ phải trả	6.592.488.484.536	5.848.547.485.126	-11,28
- Nguồn vốn chủ sở hữu	1.874.975.569.693	1.587.083.070.995	-15,31

**\* Các chỉ tiêu cơ bản :**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thời điểm 31/12/2013	Thời điểm 31/12/2012
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản:</b>			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	77,11	66,53
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	22,89	33,47
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn:</b>			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	78,66	77,86
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	21,34	22,14
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán:</b>			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,22	0,29
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	0,59	0,75

**4. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2013:**

Năm 2013, hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã tập trung vào định hướng, mục tiêu Đại hội đồng cổ đông năm 2013 thông qua. Hội đồng quản trị đã có các Nghị quyết kịp thời đúng hướng, Ban Tổng giám đốc đã điều hành linh hoạt, quyết liệt duy trì và tăng cường công tác quản lý, nắm bắt sát diễn biến của thị trường, xử lý vật tư hàng hóa tồn đọng, giảm dự trữ lớn vật tư nguyên liệu. Đẩy mạnh



các giải pháp kỹ thuật, giảm chỉ tiêu tiêu hao, triệt để thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tìm mọi biện pháp nâng cao hiệu quả cho Công ty. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu:

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 89,4%; Thép cán đạt 88%; Phôi thép đạt 98,4%; Gang lò cao đạt 94,1%; Doanh thu đạt 88,2%; Lợi nhuận -288,547 tỷ đồng.

Đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành và người lao động đã hết sức cố gắng nhưng hầu hết các chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2013 đều không đạt kế hoạch đề ra. Đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận. Trong năm 2013, lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh của Công ty lãi: 72,023 tỷ đồng. Nhưng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 Công ty phải trích lập dự phòng 360,570 tỷ đồng cho khoản nợ phải thu khó đòi. Dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế lỗ:  $(72,023 - 360,570 = -288,548$  tỷ đồng). Việc này đã ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2013 của Công ty về lợi nhuận. Nguyên nhân do nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, thị trường bất động sản tiếp tục trầm lắng làm cho thị trường tiêu thụ thép sụt giảm mạnh, cung lớn hơn cầu, sản phẩm của Công ty phải cạnh tranh quyết liệt với thép trong nước, thép ngoại nhập, giá bán liên tục giảm, tiêu thụ khó khăn, tồn kho sản phẩm lớn. Mặt khác năm 2013 do các Ngân hàng lớn tìm cách trì hoãn nghĩa vụ thanh toán cho Công ty, các khoản nợ phải thu khác để thu được cần phải thực hiện theo các trình tự quy định của pháp luật nên thời gian thu kéo dài.

#### **5. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2014:**

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được Điều lệ Công ty quy định và tình hình thực tế tại Công ty, Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch hoạt động số 38/KH-GTTN ngày 09/01/2014. Trong đó thực hiện một số nội dung trọng tâm như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014 của Hội đồng quản trị, Ban điều hành.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và mức độ cần trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, công tác tổ chức kế toán, thống kê và lập Báo cáo Tài chính.

- Thực hiện các đợt kiểm tra đánh giá việc chấp hành các quy chế, quy định khi mua vật tư, hàng hoá, dịch vụ; thực hiện cơ chế bán hàng, quản lý vật tư, hàng hoá, công nợ, chi phí, đầu tư tại Công ty và các chi nhánh nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót. Từ đó đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

- Tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật chế độ chính sách mới nâng cao trình độ để đáp ứng nhiệm vụ được Đại hội Cổ đông giao.

- Kiểm tra, kiểm soát đột xuất theo chuyên đề khi có yêu cầu của Hội đồng quản



trị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo Điều 79 - Luật Doanh nghiệp.

#### **6. Kiến nghị với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:**

- Tiếp tục thực hiện quyết liệt Dự án Đầu tư mở rộng sản xuất giai đoạn II để đảm bảo hiệu quả đầu tư của Dự án.
- Thực hiện mọi giải pháp chuẩn bị đủ nguyên liệu cho Dự án Đầu tư mở rộng sản xuất giai đoạn II trong giai đoạn trước mắt và những năm tiếp theo.
- Tiếp tục thực hiện quyết liệt việc thu hồi công nợ khó đòi để đảm bảo hiệu quả SXKD năm 2014.
- Tiếp tục nghiên cứu rà soát, hoàn thiện các quy chế đã ban hành để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế.

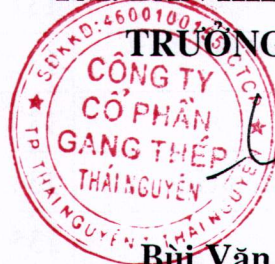
Trên đây là nội dung Báo cáo kết quả kiểm tra; giám sát hoạt động trong nhiệm kỳ 2009-2014 và Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2014. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**Nơi nhận:**

- Hội đồng quản trị;
- Các cổ đông;
- Lưu BKS (L100b).

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

**TRƯỞNG BAN**



**Bùi Văn Lùng**



**PHỤ LỤC SỐ LIỆU THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

ST T	Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo	Số thẩm định	Chênh lệch
	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>	<b>1.701.769.580.120</b>	<b>1.701.769.580.120</b>	
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>266.316.012.590</b>	<b>266.316.012.590</b>	
1	Tiền	111	266.316.012.590	266.316.012.590	
2	Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1	Đầu tư ngắn hạn	121			
2	Dự phòng giảm giá c.khoản đ.tư ng.hạn	129			
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>328.716.318.354</b>	<b>328.716.318.354</b>	
1	Phải thu của khách hàng	131	638.468.370.986	638.468.370.986	
2	Trả trước cho người bán	132	86.569.872.681	86.569.872.681	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ XD	134			
5	Các khoản phải thu khác	135	19.061.895.073	19.061.895.073	
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(415.383.820.386)	(415.383.820.386)	
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>1.059.737.849.607</b>	<b>1.059.737.849.607</b>	
1	Hàng tồn kho	141	1.059.737.849.607	1.059.737.849.607	
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>46.999.399.569</b>	<b>46.999.399.569</b>	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	27.133.496.190	27.133.496.190	
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	18.560.177.365	18.560.177.365	
3	Thuế và các khoản khác phải thu NN	154	361.664.842	361.664.842	
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	944.061.172	944.061.172	
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>	<b>5.733.860.976.001</b>	<b>5.733.860.976.001</b>	
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>5.159.651.722.125</b>	<b>5.159.651.722.125</b>	
1	TSCĐ hữu hình	221	982.469.218.553	982.469.218.553	
	Nguyên giá	222	3.095.850.928.517	3.095.850.928.517	

*lv*

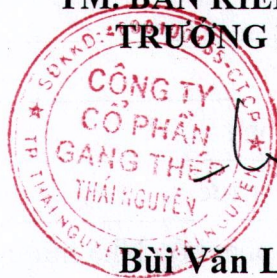


	Giá trị hao mòn lũy kế	223	(2.113.381.709.964)	(2.113.381.709.964)	
2	TSCĐ Thuê tài chính	224			
3	TSCĐ Vô hình	227	42.957.041.759	42.957.041.759	
	Nguyên giá	228	102.816.544.923	102.816.544.923	
	Giá trị hao mòn lũy kế	229	(59.859.503.164)	(59.859.503.164)	
4	Chi phí XDCB dở dang	230	4.134.225.461.813	4.134.225.461.813	
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
	- Nguyên giá	241			
	- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>221.307.351.792</b>	<b>221.307.351.792</b>	
1	Đầu tư vào công ty con	251	180.321.041.993	180.321.041.993	
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	39.767.762.492	39.767.762.492	
3	Đầu tư dài hạn khác	258	23.570.558.235	23.570.558.235	
4	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	(22.352.010.928)	(22.352.010.928)	
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>352.901.902.084</b>	<b>352.901.902.084</b>	
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	344.880.316.376	344.880.316.376	
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3	Tài sản dài hạn khác	268	8.021.585.708	8.021.585.708	
	<b>Tổng cộng Tài sản (270=100+200)</b>	<b>270</b>	<b>7.435.630.556.121</b>	<b>7.435.630.556.121</b>	
<b>A</b>	<b>Nợ phải trả (300=310+330)</b>	<b>300</b>	<b>5.848.547.485.126</b>	<b>5.848.547.485.126</b>	
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>2.904.995.312.483</b>	<b>2.904.995.312.483</b>	
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	1.827.452.455.213	1.827.452.455.213	
2	Phải trả cho người bán	312	681.661.634.768	681.661.634.768	
3	Người mua trả tiền trước	313	71.684.478.011	71.684.478.011	
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	59.323.671.569	59.323.671.569	
5	Phải trả người lao động	315	65.768.669.768	65.768.669.768	
6	Chi phí phải trả	316	36.469.879.288	36.469.879.288	
7	Phải trả nội bộ	317			
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9	Các khoản phải trả, p.nộp ng.hạn khác	319	103.245.877.079	103.245.877.079	
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	59.388.646.787	59.388.646.787	
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>2.943.552.172.643</b>	<b>2.943.552.172.64</b>	



1	Phải trả dài hạn người bán	331			
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3	Phải trả dài hạn khác	333	392.853.489	392.853.489	
4	Vay và nợ dài hạn	334	2.942.949.788.838	2.942.949.788.838	
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
8	Doanh thu chưa thực hiện	338	209.530.316	209.530.316	
<b>B</b>	<b>Vốn chủ sở hữu (400=410+430)</b>	<b>400</b>	<b>1.587.083.070.995</b>	<b>1.587.083.070.99</b>	
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>1.587.083.070.995</b>	<b>1.587.083.070.99</b>	
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	1.840.000.000.000	1.840.000.000.000	
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7	Quỹ đầu tư phát triển	417	21.921.339.419	21.921.339.419	
8	Quỹ dự phòng tài chính	418	7.987.497.820	7.987.497.820	
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(282.825.766.244)	(282.825.766.244)	
11	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1	Nguồn kinh phí	432			
	<b>Tổng cộng Nguồn vốn (440=300+400)</b>	<b>440</b>	<b>7.435.630.556.121</b>	<b>7.435.630.556.121</b>	

TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN



Bùi Văn Lùng

*Handwritten signature*